

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT KIỂM
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	
Trang	
2 - 3	BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
4 - 5	BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 - 7	BẢO CÁO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ BẢ ĐƯỢC SOÁT XÉT
	Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ
8	Bảo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
9	Bảo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
10 - 39	Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe Khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hai Thượng Lan Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh

Chủ tịch

Ông Trần Ngọc Dân

Thành viên

Ông Phạm Hoàng Hiệp

Thành viên

Ông Trần Lâm

Thành viên

Ông Nguyễn Tuấn Việt

Thành viên

Ông Nguyễn Hồ Minh

Thành viên

Ông Trần Long

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Soạn

Trưởng ban

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Thành viên

Bà Vũ Thị Hồng Cẩm

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Phạm Hoàng Hiệp

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Việt

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồ Minh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nim Vuôn Phu

Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Đức Thọ

Phó Tổng Giám đốc



BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN

Theo nhân định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phân ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoạn và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yêu cầu được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, Báo cáo tài chính giữa niên độ phân ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,



KIỂM TOÁN

BÁO CÁO SOÁT KẾT THỐNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xe Khách Sai Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được lập ngày 09/8/2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoài từ

Công ty đã chi vớt quỹ lương trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (trước thời điểm cổ phần hóa ngày 19/8/2016), chưa quyết toán để ghi nhận vào kết quả kinh doanh với số tiền 4.606.921.103 VND, làm cho chỉ tiêu "Phải trả người lao động" giảm 4.606.921.103 VND và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tăng lên với số tiền trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022. Việc quyết toán quỹ lương sẽ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến ngày phát hành Báo cáo này, Công ty chưa xử lý khoản lương chi trả này và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 có thể thay đổi khi quỹ lương được duyệt.

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, Công ty đã thực hiện trích chi phí lương vào kết quả kinh doanh giữa niên độ với giá trị 12.800.000.000 VND. Theo đó, chỉ tiêu "Phải trả người lao động" tăng lên 12.800.000.000 VND, Kết quả kinh doanh 6 tháng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" thay đổi tương ứng. Công ty sẽ quyết toán quỹ lương thực hiện khi lập Báo cáo tài chính năm.

Kết luận ngoại trừ của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhận mnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3 và 6.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, doanh thu và phải thu tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt mới được quyết toán đơn giá đến hết năm 2013. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá tạm tính quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2022, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền 82.457.635.755 VND. Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 8.227.774.395 VND và lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2022 là 327.111.539.381 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



Vu Ngọc An

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Giấy ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

10/03/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tài ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN		MIS	TM	VND	VND
A - TÀI SẢN NGẪN HẸN					
(100 = 110+120+130+140+150)					
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.935.494.429	32.218.807.358	104.394.716.254
1. Tiền	111		1.935.494.429	2.218.807.358	
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	30.000.000.000	
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	500.000.000	500.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		500.000.000	500.000.000	
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.286.821.310	56.429.003.400	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	41.078.363.800	33.217.936.082	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.224.606.867	634.765.680	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	23.654.736.273	23.247.187.268	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(670.885.630)	(670.885.630)	
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	5.593.051.178	5.628.182.105	
1. Hàng tồn kho	141		5.593.051.178	5.628.182.105	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		9.155.420.456	9.618.723.391	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.880.065.404	4.602.974.867	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.12	4.055.632.091	4.055.632.091	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	1.219.722.961	960.116.433	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN					
(200 = 210+220+230+240+250+260)					
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
II Tài sản cố định	220		410.373.293.693	447.528.278.810	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	409.012.559.339	445.964.153.877	
- Nguyên giá	222		967.864.675.308	1.048.949.741.048	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(558.852.115.969)	(602.985.587.171)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.360.734.354	1.564.124.933	
- Nguyên giá	228		2.593.521.250	2.593.521.250	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.232.786.896)	(1.029.396.317)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		664.083.636	664.083.636	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	664.083.636	664.083.636	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	
VI Tài sản dài hạn khác	260		12.260.386.960	12.531.819.029	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.260.386.960	12.531.819.029	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN					
(270 = 100+200)					
	270		543.768.551.662	565.118.897.729	

01/01/2022

30/6/2022

VND

VND

MIS

TM

104.394.716.254

120.470.787.373

100

A - TÀI SẢN NGẪN HẸN

(100 = 110+120+130+140+150)

I- Tiền và các khoản tương đương tiền

110

36.935.494.429

32.218.807.358

5.1

1.935.494.429

2.218.807.358

111

35.000.000.000

30.000.000.000

5.2

500.000.000

500.000.000

123

500.000.000

500.000.000

130

68.286.821.310

56.429.003.400

5.3

41.078.363.800

33.217.936.082

131

4.224.606.867

634.765.680

132

23.654.736.273

23.247.187.268

5.4

(670.885.630)

(670.885.630)

136

5.593.051.178

5.628.182.105

140

5.593.051.178

5.628.182.105

141

-

-

149

9.155.420.456

9.618.723.391

150

3.880.065.404

4.602.974.867

151

4.055.632.091

4.055.632.091

152

1.219.722.961

960.116.433

153

423.297.764.289

460.724.181.475

200

-

-

210

410.373.293.693

447.528.278.810

220

409.012.559.339

445.964.153.877

221

967.864.675.308

1.048.949.741.048

222

(558.852.115.969)

(602.985.587.171)

223

1.360.734.354

1.564.124.933

227

2.593.521.250

2.593.521.250

228

(1.232.786.896)

(1.029.396.317)

229

-

-

230

664.083.636

664.083.636

240

664.083.636

664.083.636

242

664.083.636

664.083.636

242

12.260.386.960

12.531.819.029

260

12.260.386.960

12.531.819.029

261

543.768.551.662

565.118.897.729

270

-

-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tài ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	30/6/2022	VND	01/01/2022	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300	270.880.091.043	284.002.662.715		
I- Nợ ngắn hạn	310	202.928.423.128	184.935.495.574		
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	124.487.968.509	116.955.066.972	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.019.290.432	1.976.386.319	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6.917.233.205	12.162.810.902	
4. Phải trả người lao động	314		23.371.550.370	12.799.532.758	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	300.977.396	29.141.830	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		245.863.637	48.716.399	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	6.213.638.487	5.867.533.659	
8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	5.15	36.357.745.452	35.083.051.095	
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		14.155.640	13.255.640	
II- Nợ dài hạn	330	67.951.667.915	99.067.167.141		
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	40.976.000.000	56.009.000.000	
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	746.595.172	797.221.672	
3. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	5.15	26.229.072.743	42.260.945.469	
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	272.888.460.619	281.116.235.014		
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	272.888.460.619	281.116.235.014	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600.000.000.000	600.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600.000.000.000	600.000.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(327.111.539.381)	(318.883.764.986)	
- LNST chưa PF lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(318.883.764.986)	(269.349.122.819)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.227.774.395)	(49.534.642.167)	
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	543.768.551.662	565.118.897.729		
(440 = 300+400)					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

Đoàn Thị Giao Thuý

Nguyễn Thị Vân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Cho kỳ kế toán

ngày 30/6/2022

6 tháng kết thúc

ngày 30/6/2021

VND

VND

186.068.847.408

195.564.177.968

186.068.847.408

195.564.177.968

170.627.080.114

192.775.959.751

15.441.767.294

2.788.218.217

475.394.000

268.961.292

2.791.608.895

1.605.733.341

2.699.850.562

1.605.733.341

91.097.535

352.558.383

18.806.444.089

12.428.258.265

(5.771.989.225)

(11.329.370.480)

709.237.969

3.952.050.774

1.981.246.510

850.454.689

(1.272.008.541)

3.101.596.085

(7.043.997.766)

(8.227.774.395)

(7.043.997.766)

(8.227.774.395)

(117)

(137)

-

-

-

-

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

(117)

(137)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MIS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2022	ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	01	(8.227.774.395)	(7.043.997.766)	
1. Lợi nhuận trước thuế				
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	37.063.115.430	37.295.834.816	
- Các khoản dự phòng	03	-	52.099.800	
- Lợi từ hoạt động đầu tư	05	(3.989.416.858)	(475.394.000)	
- Chi phí lãi vay	06	1.605.733.341	2.699.850.562	
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	26.451.657.518	32.528.393.412	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.117.424.438)	(6.026.518.421)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	35.130.927	(285.861.566)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.362.771.131	(18.622.119.394)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	994.341.532	2.465.033.417	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.333.897.775)	(2.378.977.641)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.392.578.895	7.679.949.807	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	1	(142.472.727)	(200.400.000)	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	2	3.954.797.980	-	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3	-	1.884.749.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4	268.961.292	475.394.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.081.286.545	2.159.743.000	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	1	(14.757.178.369)	(31.711.431.327)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.757.178.369)	(31.711.431.327)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.716.687.071	(21.871.738.520)	
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.218.807.358	61.206.792.605	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.935.494.429	39.335.054.085	
(70 = 50+60+61)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc

Phạm Hoàng Hiệp

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Giao Thuyet

Người lập

Nguyễn Thị Vân Anh

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ CHỨNG KIỂM ĐÓ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe Khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: SATRANCO.
Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 972 người (tại ngày 31/12/2021 là 477 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kinh doanh của Công ty gồm:

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe cơ động cơ. Sản xuất; đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; từ thiết kế phươg tiện vận tải). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mô tô bơi tron, chất lượng sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Gửi xe 2 bánh, 4 bánh. Mọi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất, Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng nganh giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, tàu cabin ngam, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là:

Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;

Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;

Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;

Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;

Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;

Các dịch vụ khác.

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ DÁN CHỮ ĐÓNG

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.4 Chու kỳ sản xuất kinh doanh thông thường
Chու kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.
1.5 Cầu trúc Công ty
Công ty có 7 đơn vị kinh doanh hạch toán phụ thuộc tại TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

STT	Tên xí nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chữa Ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Vận tải và Du lịch	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm Sắt hạch lái xe Tân Bình	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp Vận tải Buyt gồm các đơn vị	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh - 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng Buyt Lạc Long Quân	
-	Văn phòng Buyt Phò Quang	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng Buyt Phan Văn Trị	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ
Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN
2.1 Kỳ kế toán năm
Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm duong lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 hàng năm.

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG
3.1 Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.
3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10/03/2015 09:00 AM

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2022, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt Tài sản Ngắn hạn với số tiền 82.457.635.755 VND. Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 8.227.774.395 VND và lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2022 là 327.111.539.381 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng tạo ra dòng tiền và sự gia hạn cho các khoản vay và các khoản phải trả nhà cung cấp đến hạn hiện có của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và gia hạn nợ để Công ty có thể duy trì tới đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 3012/1428-PL ngày 30/12/2021 của Hợp đồng số 1428/2019/SGB-MITACO-GIADICO với liên danh Công ty cổ phần Xe khách và Dịch vụ miền Tây - Công ty cổ phần Thương mại ô tô Gia Định, gia hạn khoản nợ thanh toán tiền mua xe buýt sử dụng khi thiển nhiên CNQ, trả từng tháng và đến tháng 01/2025;

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty đã đề xuất Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng khi thực hoạt động một số tuyến xe buýt đang tạm dừng do dịch Covid 2021 hoạt động trở lại tạm dừng nguồn lực hiện có khai thác thị trường của Công ty nhằm tăng doanh thu. Một số một số tuyến xe buýt Công ty đề xuất đã được Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng phê duyệt cho hoạt động trở lại. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành Quy chế nội bộ về quản trị, nhằm kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp và từ đó đưa ra một số giải pháp để kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả chi tiêu, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và tiền tới có lại trong tương lai.

Ban Điều hành đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và các khoản vay đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đảo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

12/1/AM 1/1/2022

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc trên 03 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đời.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đời.

Dự phòng nợ phải thu khó đời được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng như chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tái sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá danh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.



THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHỈ SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khâu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

(Số năm)	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác
05 - 50					
05 - 25					
05 - 20					
05 - 20					
05 - 25					
05 - 25					

Các khoản tài, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khâu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa xác định thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bán kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không chấp hỏn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc có phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.
Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoài trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu.
Hàng kỳ, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với sản lượng xăng thực tế bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lợi nhuận 30/6/2022, lợi nhuận sau thuế của Công ty bị lỗ.

CH
KIE
PA
7
0
1

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác
Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.
Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ*
Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu vận chuyển thực tế theo hợp đồng đặt hàng và doanh thu trợ giá.

Doanh thu vận chuyển thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Doanh thu/chuyển * Tổng số chuyển thực tế.

Doanh thu trợ giá đang được ghi nhận theo chênh lệch của chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng từ di doanh thu vận chuyển trên hợp đồng đặt hàng.

Doanh thu/chuyển = Doanh thu bình quân/hành khách (Đơn giá trên hợp đồng đặt hàng) * Số lượng hành khách/chuyển thực tế.

Chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Chi phí/chuyển thực tế.
* Tổng số chuyển thực tế.
Chi phí/chuyển = Chi phí/chuyển tính theo đơn giá hiện liệu theo quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 có điều chỉnh giá hiện liệu, trừ chi phí khấu hao (đối với tuyến sử dụng xe trên 10 năm) và chi phí tiếp viên/chuyển (đối với tuyến không bố trí tiếp viên).

Số lượng hành khách/chuyển và Tổng số chuyển thực tế căn cứ theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện mới tháng với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.
Doanh thu bình quân/hành khách và Chi phí/chuyển tính theo hợp đồng đặt hàng hàng năm với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng và sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày 31/12 hàng năm.

Lai tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chính sách so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu

Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền có phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bảo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	01/01/2022
Tiền mặt	719.533.588	64.197.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.215.960.841	2.154.609.947
Các khoản tương đương tiền (i)	35.000.000.000	30.000.000.000
Tổng	36.935.494.429	32.218.807.358

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành theo các hợp đồng tiền gửi với lãi suất từ 3,2% đến 3,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	500.000.000	500.000.000
Tổng	500.000.000	500.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng gửi số 687/2016/HĐTG ngày 21/11/2016, lãi suất tiền gửi 4,9%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2022	01/01/2022
Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng (i)	18.772.497.554	11.798.160.190
Công ty TNHH GB Hà Nội (ii)	6.180.000.000	6.180.000.000
Công ty TNHH Jones Lang Lasalle (Việt Nam)	4.124.043.221	2.775.355.829
Các khách hàng khác	12.001.823.025	12.464.420.063
Tổng	41.078.363.800	33.217.936.082

Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chỉ tiết tại thuyết minh số 7.3)

(i) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt và vé tập, khoản phải thu này mới quyết toán đến năm 2013. Ngoài ra các hợp đồng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

(ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng 4 xe ô tô cho Công ty TNHH GB Hà Nội đang có tranh chấp (chi tiết tại Thuyết minh số 7.2).

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

S.4 Phải thu khác ngân hàng

	30/6/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tạm ứng	6.086.452.771	5.999.860.446
Kỳ cược, kỳ quỹ	1.035.548.804	985.548.804
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng - Tiền phát	6.484.700.000	6.484.700.000
Phải thu Ngân sách Nhà nước - Dự án 39 Hải Thượng Lãn Ông tiền lãi	9.018.758.070	9.018.758.070
hồ trợ (ii)	-	-
Các khoản hồ trợ lãi vay	409.483.641	486.220.382
dầu từ xe bus của ngân sách nhà nước	-	-
Phải thu khác	619.792.987	272.099.566
Tổng	23.654.736.273	23.247.187.268
	(171.220.900)	(171.220.900)

(i) Khoản phát mất chuyên được giảm và phải thu lãi của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng.

(ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán dự án "Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty" (dự án sử dụng ngân sách Nhà nước) được duyệt theo Quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14/6/2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

S.5 Nợ xấu

	30/6/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Gia trị có thể thu hồi	Gia gốc	Gia gốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay	243.025.000	243.025.000
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd	139.920.000	139.920.000
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	33.100.900	33.100.900
Các đối tượng khác	254.839.730	254.839.730
Tổng	670.885.630	670.885.630
	-	-

Trong đó:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd
Các đối tượng khác

Quả hạn trên 3 năm	243.025.000
VND	139.920.000
	287.940.630
Tổng	670.885.630



THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2022	01/01/2022
Nguyên liệu, vật liệu	4.001.133.244	3.900.848.910
Công cụ, dụng cụ	89.177.527	80.642.923
Hàng hóa	302.466.053	446.415.918
Hàng gửi bán	1.200.274.354	1.200.274.354
Tổng	5.593.051.178	5.628.182.105

Đơn vị tính: VND

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
Ngân hàng	3.880.065.404	4.602.974.867
Chi phí giải tỏa Covid 19 chờ phân bổ (i)	3.388.113.898	3.388.113.898
Chi phí bảo hiểm xe	444.501.105	871.184.059
Các chi phí trả trước khác	47.450.401	343.676.910
Dài hạn	12.260.386.960	12.531.819.029
Chi phí bình điện	-	6.586.727
Lợi thế kinh doanh (ii)	2.436.282.495	2.731.589.463
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (iii)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	159.291.102	345.171.954
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	512.423.506	260.730.278
Máy in và trên xe buýt	-	71.388.579
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	70.979.412	165.735.709
Chi phí khác	136.447.232	5.653.106
Tổng	16.140.452.364	17.134.793.896

(i) Chi phí lương tài xế và nhiên liệu giải tỏa COVID 19 sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi quyết toán được giá trị với Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện cổ phần hóa Công ty theo các quy định về Cổ phần hóa của Nhà nước và được phân bổ 10 năm kể từ thời điểm chuyển thành công ty cổ phần ngày 19/8/2016.

(iii) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Khi ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiến hành phân bổ giá trị tiền thuê đất trên theo thời gian thuê thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa		Phương tiện		Thiết bị		TSCĐ hữu		Tổng
	nhà	kiến trúc	Máy móc thiết bị	vận tải	dụng cụ quản lý	hình khác			
Số dư tại ngày 01/01/2022	127.139.459.921	6.842.956.841	901.472.826.248	11.867.215.603	1.627.282.435	1.048.949.741.048	142.472.727	142.472.727	142.472.727
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	142.472.727	142.472.727	142.472.727
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	543.395.470	80.684.142.997	80.684.142.997	-	-	-	-	81.227.538.467
Thanh lý nhượng bán	-	543.395.470	80.684.142.997	-	-	-	-	-	81.227.538.467
Số dư tại ngày 30/6/2022	127.139.459.921	6.299.561.371	820.788.683.251	11.867.215.603	1.769.755.162	967.864.675.308	26.776.281	26.776.281	26.776.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Số dư tại ngày 01/01/2022	64.581.628.086	5.527.893.808	520.760.380.124	10.745.679.002	1.370.006.151	602.985.587.171	26.776.281	26.776.281	26.776.281
Tăng trong kỳ	2.045.068.115	94.607.616	34.332.997.497	360.275.342	26.776.281	36.859.724.851	26.776.281	26.776.281	26.776.281
Khấu hao trong kỳ	2.045.068.115	94.607.616	34.332.997.497	360.275.342	26.776.281	36.859.724.851	26.776.281	26.776.281	26.776.281
Giảm trong kỳ	-	543.395.470	80.449.800.583	-	-	-	-	-	80.993.196.053
Thanh lý nhượng bán	-	543.395.470	80.449.800.583	-	-	-	-	-	80.993.196.053
Số dư tại ngày 30/6/2022	66.626.696.201	5.079.105.954	474.643.577.038	11.105.954.344	1.396.782.432	558.852.115.969	26.776.281	26.776.281	26.776.281
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 01/01/2022	62.557.831.835	1.315.063.033	380.712.446.124	1.121.536.601	257.276.284	445.964.153.877	372.972.730	372.972.730	372.972.730
Tại ngày 30/6/2022	60.512.763.720	1.220.455.417	346.145.106.213	761.261.259	257.276.284	409.012.559.339	372.972.730	372.972.730	372.972.730

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 với giá trị là 125.246.859.964 VND (tại ngày 31/12/2021 là 204.043.807.791 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 30/6/2022 với giá trị là 182.125.335.224 VND (tại ngày 31/12/2021 là 202.132.771.331 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9 Tang giảm tài sản cố định vô hình

NGUYỄN GIA	
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.593.521.250
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	2.593.521.250
GIA TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.029.396.317
Tăng trong kỳ	203.390.579
Khấu hao trong kỳ	203.390.579
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.232.786.896
GIA TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2022	1.564.124.933
Tại ngày 30/6/2022	1.360.734.354

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi xây dựng cơ bản dở dang	
Dự án bãi xe cao tầng số 592 Công Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (i)	664.083.636
Tổng	664.083.636

(i) Dự án đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ quy hoạch. Khi nhận được phân hồi của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

LƯU NHỮNG CHỖ

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

S.11 Phải trả người bán

	30/6/2022	01/01/2022
Ngân hàng	124.484.088,509	116.955.066,972
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	50.822.799,942	55.835.953,922
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	29.450.750,000	20.150.750,000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai	15.117.743,692	9.515.360,296
Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	12.421.500,000	11.466.000,000
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	6.552.730,044	9.155.489,161
Các nhà cung cấp khác	10.118.564,831	10.831.513,593
Dài hạn	40.976.000,000	56.009.000,000
Công ty Cổ phần Thương mại Ô Tô Gia Định	29.510.000,000	38.810.000,000
Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	11.466.000,000	17.199.000,000
Tổng	165.460.088,509	172.964.066,972
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)	30.719,556,976	37.837,229,161
	30.719,556,976	37.837,229,161

LAI HOANG HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán 6 tháng kết thực ngày 30/6/2022

5.12 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp
12.162.810.902	-	175.283.649	5.070.294.048
Thuế GTGT	1.089.889.854	1.778.077.527	2.069.033.054
Thuế tài nguyên	456.320	2.664.320	2.679.040
Thuế thu nhập cá nhân	14.233.824	163.206.757	177.440.581
Thuế nhà đất và tiền	7.649.414.604	(2.128.232.253)	2.812.141.373
Thuế đất (i)			
Các khoản phí, lệ phí	3.408.816.300	9.000.000	9.000.000
và các khoản phải			
nộp khác (iii)	5.015.748.524	-	259.606.528
Phải thu			
Thuế thu nhập doanh	960.116.433	-	-
nghiệp nộp thừa			
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	259.606.528
nộp thừa			
Phải thu nhà nước	4.055.632.091	-	4.055.632.091
khác (iii)			

Đơn vị tính: VND

(i)	Công ty được miễn tiền thuế đất từ ngày 29/8/2018 đến ngày 31/12/2021 tại địa chỉ 592 Cộng Hòa số tiền 6.541.743.208 VND theo Quyết định 516/QĐ-CTTPHCM của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh ngày 27/01/2022. Ngoài ra, Công ty được miễn tiền thuế đất năm 2022 tại địa điểm này theo Quyết định 2314/QĐ-CTTPHCM ngày 05/5/2022.
(ii)	Số phải trả được ghi nhận theo Báo cáo Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa và sẽ được nộp vào Ngân sách Nhà nước khi Công ty nhận được khoản tiền thanh toán số còn lại về quyết toán vốn ngân sách đầu tư "Dự án xây dựng văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn" từ Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 5.4).
(iii)	Đây là số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trên số sách kê toán tại ngày 30/6/2022, Công ty sẽ thực hiện kê khai và khấu trừ thuế khi thanh toán tiền.
5.13 Chi phí phải trả	
Chi phí lãi vay	
	Tổng
30/6/2022	01/01/2022
VND	VND
300.977.396	29.141.830
300.977.396	29.141.830
300.977.396	29.141.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

S.14 Phải trả, phải nộp khác

30/6/2022	01/01/2022	VND	VND
6.213.638.487	5.867.533.659	245.760.870	472.276.360
		989.711.223	1.607.519.550
		171.135.114	401.170
		59.450.913	16.440.282
		-	110.780.000
		859.979.776	793.003.276
2.600.000.000	2.600.000.000		
		45.812.298	45.812.298
		70.070.000	70.070.000
		792.850.000	-
		378.868.293	151.230.723
		746.595.172	797.221.672
		746.595.172	797.221.672
6.960.233.659	6.664.755.331		
2.600.000.000	2.600.000.000		

Ngân hàng
Kinh phí công đoàn
Bảo hiểm xã hội
Bảo hiểm y tế
Bảo hiểm thất nghiệp
Tiền đóng phục phải trả
Nhân kỳ quy, kỳ cược ngân hàng
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn
- TNHH Một thành viên (i)
Bảo hiểm bồi thường tai nạn
Thủ lao thành viên chủ chốt
Sở giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
Các khoản phải trả, phải nộp khác
Dãi hạn
Nhân kỳ quy, kỳ cược dài hạn
Tổng

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh 7.3)

(i) Khoản phải trả về tiền nhân ứng trước chi phí các xe vận chuyển hành khách phục vụ phòng chống dịch COVID 19.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị		
Nợ dài hạn đến hạn trả	36.357.745.452	36.357.745.452	16.031.872.726	14.757.178.369	35.083.051.095	35.083.051.095	
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh (i)	15.097.200.000	15.097.200.000	5.401.600.000	4.126.905.643	13.822.505.643	13.822.505.643	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (ii)	3.600.000.000	3.600.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (ii)	9.896.545.452	9.896.545.452	4.948.272.726	4.948.272.726	9.896.545.452	9.896.545.452	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [iv]	7.764.000.000	7.764.000.000	3.882.000.000	3.882.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	
Vay dài hạn	26.229.072.743	26.229.072.743	-	16.031.872.726	42.260.945.469	42.260.945.469	
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh (i)	6.872.700.000	6.872.700.000	-	5.401.600.000	12.274.300.000	12.274.300.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (ii)	827.400.000	827.400.000	-	1.800.000.000	2.627.400.000	2.627.400.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (ii)	4.948.272.743	4.948.272.743	-	4.948.272.726	9.896.545.469	9.896.545.469	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng [iv]	13.580.700.000	13.580.700.000	-	3.882.000.000	17.462.700.000	17.462.700.000	
Tổng	62.586.818.195	62.586.818.195	16.031.872.726	30.789.051.095	77.343.996.564	77.343.996.564	

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(i) Vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay sau:

(1.1) Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-DTTC-TD ngày 17/7/2016:

- Mục đích vay: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh, 29 xe buýt CNG".
- Hạn mức cho vay: 55.825.000.000 VND nhưng không quá 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.

Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/7, ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 10 tháng (loại trả lãi sau) của 04 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản hình thành từ dự án là 29 xe buýt CNG. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà nước.

- Số dư tại ngày 30/6/2022 là: 19.224.500.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 12.882.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 6.342.500.000 VND.

(1.2) Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-DTTC-TD ngày 23/9/2016:

- Mục đích vay: Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESSEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016.

- Hạn mức cho vay: 14.375.200.000 VND nhưng không quá 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư

phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng".

Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/7, ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 10 tháng (loại trả lãi sau) của 04 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESSEL. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà nước tại Ngân hàng PVCombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Số dư tại ngày 30/6/2022 là: 2.745.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 2.215.200.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 530.200.000 VND.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

S.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDDTDĐA/NHCT903-SATRANCO ngày 30/11/2016:
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý tại sân cỏ định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.
 - Hạn mức cho vay: 80.627.400.000 VND.
 - Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Lãi suất: Lãi suất lãi vay thả nổi. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chi có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần. Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (+) biên độ 2.34%/năm.
 - Hình thức đảm bảo: Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là 87 xe buýt SAMCO.
 - Số dư tại ngày 30/6/2022 là: 4.427.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 3.600.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 827.400.000 VND.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDDN/16DH ngày 07/12/2016:
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 thuộc " dự án đầu tư phưong tiến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt". Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
 - Hạn mức cho vay: 76.203.400.000 VND nhưng không được quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa gồm VAT).
 - Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
 - Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
 - Hình thức đảm bảo: Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là 87 xe buýt SAMCO.
 - Số dư tại ngày 30/6/2022 là: 4.427.400.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 3.600.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 827.400.000 VND.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDDN/16DH ngày 07/12/2016:
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 thuộc " dự án đầu tư phưong tiến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt". Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
- Hạn mức cho vay: 76.203.400.000 VND nhưng không được quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa gồm VAT).
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
- Hình thức đảm bảo: 79 phưong tiến vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- Số dư tại ngày 30/6/2022 là: 14.844.818.195 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 9.896.545.452 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 4.948.272.743 VND.

01:31:41 ET

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	600.000.000.000	600.000.000.000
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	600.000.000.000	600.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-
c. Cổ phiếu	01/01/2022	30/6/2022
Số lượng cổ phiếu đã bầu ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	22.920.383.017	14.448.648.508
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	172.643.794.951	171.620.198.900
Tổng	195.564.177.968	186.068.847.408

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan
(Chi tiết xem thuyết minh 7.3)

948.632.710

(i) Công ty ghi nhận Doanh thu trợ giá buyt từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng theo đơn giá quy định tại hợp đồng đặt hàng số 178/HD-TT ngày 07/6/2021. Doanh thu trợ giá mới quyết toán đến năm 2013. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.2 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã bán
Giá vốn cung cấp dịch vụ

Tổng

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022
VND	VND
14.229.717.713	22.320.774.977
156.397.362.401	170.455.184.774
170.627.080.114	192.775.959.751

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Tổng

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022
VND	VND
475.394.000	268.961.292
475.394.000	268.961.292

6.4 Chi phí tài chính

Lãi tiền vay
Lãi trả chậm

Tổng

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022
VND	VND
2.699.850.562	1.605.733.341
91.758.333	-
2.791.608.895	1.605.733.341

6.5 Chi phí bán hàng

Chi phí bảo dưỡng, lưu kho xăng dầu,
chi phí bán hàng khác

Tổng

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022
VND	VND
91.097.535	352.558.383
91.097.535	352.558.383

KIỂM TRA
 01
 01
 01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (MẸP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022
VND	VND
5.832.783.692	5.896.543.087
114.662.309	72.603.650
420.631.455	541.367.717
1.618.628.254	1.627.790.716
2.727.299.958	8.682.429.822
-	52.099.800
1.714.252.597	1.632.359.297
12.428.258.265	18.806.444.089

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế phí và lệ phí

Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi

Chi phí quản lý doanh nghiệp khác

Tổng

6.7 Lợi nhuận khác

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2022	ngày 30/6/2021
VND	VND
3.952.050.774	709.237.969
3.381.269.527	-
409.300.718	454.972.834
161.480.529	254.265.135
850.454.689	1.981.246.510
295.306.968	295.306.968
12.000.000	1.110.940.373
543.147.721	574.999.169
3.101.596.085	(1.272.008.541)

Lợi nhuận khác

Các khoản phát chậm nộp thuế, lãi chậm nộp tiền thuế đất

Chi phí khác

Các khoản khác

Tiền điện, nước cho thuê tài sản

Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ

Thu nhập khác

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2022	ngày 30/6/2021
VND	VND
(8.227.774.395)	(7.043.997.766)
168.000.000	-
168.000.000	-
-	-
-	-
(8.059.774.395)	(7.043.997.766)
20%	20%
(8.059.774.395)	(7.043.997.766)
-	-
-	-
-	-
-	-
-	-

Lợi nhuận kế toán trước thuế

Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế

Các khoản chi không được trừ

Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế

Thu nhập chịu thuế

Thu nhập tính thuế

Thuế suất thuế TNDN áp dụng

Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước

Thuế TNDN hiện hành

01
NG
NT
AT
VIE
AN

Chi tiết các khoản thanh toán nêu trên bao gồm:

Tổng số tiền thuê 774,2 m² đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.228.800 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3744/HĐ-STNMT-QLB thời hạn 50 năm tính từ ngày 19/8/2016.

Tổng tiền thuê 27.476,9 m² đất tại 01 Phạm Hồng Thái, phường 02, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.311,8 m² đất là đất thương mại, dịch vụ, cửa hàng mua bán và diện tích 712,8 m² là đất tràm ngập khí, tràm xăng dầu với giá thuê lần lượt là 675.488 VND/m²/năm và 298.637 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 10134/HĐ-STNMT-QLB ký ngày 22/10/2018.

Tổng tiền thuê 6.879,5 m² đất tại 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 255 m² đất là đất thương mại, dịch vụ và diện tích 6.624,5 m² là đất bãi đậu xe buýt với giá thuê lần lượt là 882.816 VND/m²/năm và 292.723 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3743/HĐ-STNMT-QLB ký ngày 19/5/2019.

Từ 1 năm trở xuống	Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	Tiền 5 năm	Tổng
4.890.060,166	3.805.347,840	36.785.029,120	45.480.437,126
4.890.060,166	3.805.347,840	37.736.366,080	46.431.774,086
VND	VND		
30/6/2022	01/01/2022		

Cần cứ vào các hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tại sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Tổng
Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc	6 tháng kết thúc
ngày 30/6/2021	ngày 30/6/2022	ngày 30/6/2021
VND	VND	VND
44.366.288,013	57.624.416,357	57.624.416,357
65.226.653,643	69.407.542,434	69.407.542,434
37.295.834,816	36.965.142,546	36.965.142,546
24.012.779,735	16.811.898,184	16.811.898,184
4.789.577,136	-	-
175.691.133,343	180.808.999,521	180.808.999,521

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (8.227.774,395)

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu (8.227.774,395)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) (8.227.774,395)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (137)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu 57.624.416,357

Chi phí nhân công 69.407.542,434

Chi phí khấu hao tài sản cố định 36.965.142,546

Chi phí dịch vụ mua ngoài 16.811.898,184

Chi phí khác bằng tiền -

175.691.133,343

THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.2 Thông tin về tranh chấp hợp đồng

Theo Thông báo số 43/2020/TB-TLVA ngày 09/01/2020 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/TLSV-KDTM về tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô do Công ty là nguyên đơn. Theo thông báo này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Huy các Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố Hà Nội đã cấp cho Công ty TNHH GB Hà Nội gồm 04 xe mang biển số 29B.60317; 29B.60514; 29B.60611; 29B.60539.

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 124 khoản 2, Điều 407 Bộ luật Dân sự; Tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng đăng ký giao dịch bảo đảm đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi với biển số: 29B.60317; 29B.60514; 29B.60611; 29B.60539.

- Tuyên xử chấm dứt Hợp đồng mua bán xe ô tô số 751/HĐMB-SGB-2015 ký ngày 11/5/2015 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 09/3/2016 giữa Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty TNHH GB Hà Nội đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 do các bên chưa thanh toán giao nhận tiền, tài sản chưa được các bên giao nhận.

- Công nhận quyền sở hữu 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 thuộc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn tiếp tục thực hiện quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Do Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa thể lường hóa chính xác các quyền và nghĩa vụ của Công ty để tiến hành ghi nhận Tài sản và Công nợ, đồng nợ, đồng thời chưa tích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty TNHH GB Hà Nội trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết

thúc ngày 30/6/2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một
thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô

Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây

Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông

Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây

CN Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV

- XI nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc

Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV -

XI Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc

Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn -

TNHH MTV - XI nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô

Công ty Cổ phần Ô tô An Thái

Ông Phạm Anh Hưng

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh

Ông Kiều Nam Thành

Ông Trần Ngọc Dân

Ông Phạm Hoàng Hiệp

Ông Trần Long

Ông Trần Lâm

Ông Nguyễn Tuấn Việt

Ông Nguyễn Hồ Minh

Ông Bùi Đức Thọ

Ông Nguyễn Quốc Soán

Bà Trần Thị Ngọc Dung

Bà Vũ Thị Hồng Cẩm

Bà Đoàn Thị Thanh Nga

Bà Trần Thị Kim Hòa

Ông Phạm Hoàng Hiệp

Ông Nguyễn Tuấn Việt

Ông Nguyễn Hồ Minh

Ông Ninh Xuân Phú

Bà Đoàn Thị Giao Thuyết

Ông Lê Phan Minh Hiếu

Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Công ty cùng Tập đoàn SAMCO

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Nguyễn Châu tích HBQT

Thành viên HBQT

Thành viên HBQT

Thành viên HBQT

Thành viên HBQT

Thành viên HBQT

Thành viên HBQT

Nguyễn Thành viên HBQT

Trùng BKS

Thành viên BKS

Thành viên BKS

Nguyễn Thành viên BKS

Nguyễn Thành viên BKS

Tông Giám đốc

Phó Tông Giám đốc

Phó Tông Giám đốc

Phó Tông Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN BỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan		Chức danh	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2021
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-	-
Ông Kiều Nam Thành	Nguyên Chủ tịch	-	48.000.000	-
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Thọ	Thành viên	36.000.000	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên	36.000.000	-	36.000.000
Ông Lê Phan Minh Hiền	Người phụ trách quản trị	12.000.000	12.000.000	-
Bà Phạm Thị Lê Thu	Nguyên Thư ký Hội đồng Quản trị	-	-	9.000.000
Tổng		306.000.000	306.000.000	288.000.000

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Bên liên quan		Chức danh	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2021
Ông Nguyễn Quốc Soan	Trưởng ban	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	30.000.000	30.000.000	-
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	30.000.000	30.000.000	-
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Nguyên Thành viên	-	-	30.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Nguyên Thành viên	-	-	30.000.000
Tổng		210.000.000	210.000.000	210.000.000

Lương và các lợi ích khác Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Bên liên quan		Chức danh	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán ngày 30/6/2021
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	270.000.000	270.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	216.500.000	216.500.000	240.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	216.500.000	216.500.000	240.000.000
Ông Nim Vuon Phu	Phó Tổng Giám đốc	216.500.000	216.500.000	240.000.000
Ông Bùi Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	216.500.000	216.500.000	80.000.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuý	Kế toán trưởng	189.500.000	189.500.000	210.000.000
Tổng		1.299.000.000	1.299.000.000	1.280.000.000

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
			Cho kỳ kế toán	ngày 30/6/2022
			6 tháng kết thúc	ngày 30/6/2021
			Cho kỳ kế toán	ngày 30/6/2021
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cô đồng nhà nước năm giữ 49% vốn điều lệ	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	933.566.346
Tông Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty cùng Tập đoàn SAMCO	Cung cấp dịch vụ	-	15.066.364
Tông Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Tông Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Cung cấp dịch vụ	-	948.632.710
Mua hàng và thuê dịch vụ	Cô đồng nhà nước năm giữ 49% vốn điều lệ	Mua hàng hóa	-	91.758.333
Tông Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Mua hàng hóa	-	5.642.650
Chi nhánh Tông Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - XI Nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc	Mua hàng hóa	Mua hàng hóa	208.970.683	-
Tông Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV	Mua hàng hóa	Mua hàng hóa	373.267.978	-
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Mua hàng hóa	Mua hàng hóa	921.946.938	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Mua hàng hóa	Mua hàng hóa	431.902.505	-
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Mua hàng hóa	Mua hàng hóa	722.543.704	-
Tông Các giao dịch khác	Mua hàng hóa, dịch vụ	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.658.631.808	97.400.983
Tông Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	Cô đồng nhà nước năm giữ 49% vốn điều lệ	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	91.758.333
Tông			-	91.758.333

Lên 03/04/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư bên liên quan

Bên liên quan		Mối quan hệ	
Số dư	Ngày 30/6/2022	Số dư	Ngày 01/01/2022
		VND	
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	-	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VBL	877.618.482
CN Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc	-	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	144.721.000
Phải trả người bán			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	98.110.000	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VBL	-
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	28.665.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	6.552.730.044	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	9.155.489.161
Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	63.267.020	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	48.358.000	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	23.887.500.000	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	69.591.912	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	16.740.000
Tổng			
30.719.556.976		37.837.229.161	
Người mua trả tiền trước			
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	536.256.000	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
CN Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc	311.449.200	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xi nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ ô tô	343.122.000	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	125.304.000	Tập đoàn Công ty cùng SAMCO	-
Tổng			
1.316.131.200		-	
Phải trả khác			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	2.600.000.000	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% VBL	2.600.000.000
Tổng			
2.600.000.000		2.600.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5,
thành phố Hồ Chí Minh
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC.
Mẫu số B 09a - DN
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT kiểm toán.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Kế toán trưởng
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Vân Anh
Đoàn Thị Giao Thuyết
Phạm Hoàng Hiệp

Người lập

